

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73 /2022/HSST

Ngày 04/7/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn M

Bà Hoàng Thị Kim P

-Thư ký phiên toà: Ông Bùi Đức T, Thư ký Toà án nhân dân thành phố N - tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh N tham gia phiên toà:
Ông Mai Việt H, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công KH vụ án hình sự thụ lý số: 59/2021/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HS ngày 22/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H - Sinh năm 1993. Tên gọi khác: Không. Tại N. Nơi ở và nơi ĐKNKTT: thôn B, xã N, thành phố N, tỉnh N. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Trình độ văn hóa: 6/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị V. Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Bản án số 131/2019/HSST ngày 01/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tiền sự: Ngày 6/7/2021 công an thành phố Tam Điệp, tỉnh N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 300.000 đồng về hành vi “*đánh bạc*”.

Về nhân thân:

+ Bản án số 70/2012/HSST ngày 15/05/2012, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

+ Ngày 6/9/2013 Ủy ban nhân dân tỉnh N ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng. Bị cáo đã chấp hành xong.

+ Ngày 10/12/2015 công an phường N Thành, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “*sử dụng trái phép chất ma túy*”. Bị cáo chưa thi hành do không có điều kiện thi hành, Công an phường N Thành không có văn bản đôn đốc thi hành, đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 và 74 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/03/2022 đến ngày 11/03/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

2. Đinh Văn H1 - Sinh năm 1993. Tên gọi khác: Không. Tại N. Nơi ở và nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Trình độ văn hóa: 9/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Đinh Quang T và bà Đỗ Thị C. Vợ, con: chưa có

Tiền án: Không có.

Tiền sự: ngày 17/9/2020 Ủy ban nhân dân xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh N ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 6 tháng. Đã chấp hành xong.

Về nhân thân:

+ Ngày 10/01/2014 công an phường N Sơn, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “*sử dụng trái phép chất ma túy*”. Đã chấp hành xong.

+ Bản án số 22/2015/HSST ngày 20/05/2015 Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh N xử phạt 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Đã chấp hành xong.

+ Bản án số 27/2015/HSST ngày 23/6/2015 Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà N xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đã chấp hành xong.

+ Ngày 30/11/2016 công an phường Thanh Bình, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “*sử dụng trái phép chất ma túy*”. Đã chấp hành xong

+ Bản án số 05/2017/HSST ngày 20/01/2017 Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh N Định xử phạt 39 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/03/2022 đến ngày 11/03/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: anh Trịnh Hùng V sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Trần Xuân N, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (chị ruột của bị cáo H). Vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1963 (mẹ đẻ bị cáo H). Có mặt.

4. Anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1988 (anh ruột của bị cáo H). Vắng mặt.

Chị N, bà V, anh Q đều trú tại thôn Bình Khê, xã N Nhất, thành phố N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 27/02/2022, Nguyễn Văn H đi qua công trình nhà đang xây dựng ở đường ĐT477 của anh Trịnh Hùng V ở thôn Nguyên Ngoại, xã N Nhất, thành phố N tỉnh N phát hiện thấy có các vì kèo sắt để làm mái tôn để bên trong công trình, không có người trông coi, H đã nảy sinh ý định trộm cắp số vì kèo sắt trên để bán lấy tiền tiêu sài, sau đó H đi về nhà. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn H rủ bạn trai của chị gái mình là Đinh Văn H1 đi trộm cắp sắt. H1 nói đang bận, lúc nữa đi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H lại rủ H1 đi trộm cắp, H1 đồng ý. H1 sử dụng xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 35B2 - 236.32 của anh Nguyễn Văn Q (do H mượn xe của anh Q) điều khiển chở H. H chỉ đường đến vị trí công trình nhà đang xây dựng của anh V. Khi đến nơi quan sát thấy không có người trông coi, H1 và H dựng xe đi vào bên trong thấy 04 vì kèo sắt V5 được hàn bằng thanh sắt phi 10 nối 04 vì kèo sắt với trụ cột bê tông ở giữa nhà. Cả H bàn nhau quay về nhà lấy xe kéo và kìm cộng lực để quay lại lấy trộm 04 vì kèo sắt. Sau đó, cả H đi về nhà của H. Lúc này khoảng 00 giờ ngày 28/02/2022, H1 đi vào bếp nhà H lấy chiếc kìm cộng lực cắt sắt mang ra sân, lấy chiếc xe kéo ở sân nhà H rồi buộc vào sau chiếc xe mô tô và điều khiển xe mô tô chở H đi. H ngồi sau xe cầm chiếc kìm cộng lực. Khi đến công trình nhà đang xây dựng của anh Trịnh Hùng V, H1 để xe mô tô ở bên ngoài, cả H đi vào bên trong nhà và đi đến vị trí chỗ để 04 vì kèo sắt, H1 cầm chiếc kìm cộng lực cắt đứt thanh sắt hàn chống trộm của 04 vì kèo. Sau đó, H, H1 bê 02 vì kèo đặt lên xe kéo, H1 điều khiển xe mô tô chở H ngồi phía sau kéo theo xe kéo cùng 02 vì kèo trộm cắp được mang đi bán. H chỉ đường cho H1 điều khiển xe đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Trần Xuân N ở đường 12C thôn Đông Thành, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh N để bán. Đến nơi, thấy cửa hàng thu mua phế liệu cửa cổng đang đóng, anh N đang ngồi uống nước phía bên trong cửa hàng, H gọi anh N ra hỏi có mua 02 vì kèo sắt không (do trước đó anh N có vài lần đến nhà H thu mua phế liệu của mẹ H là bà Phạm Thị V nên anh N biết H). Anh N hỏi nguồn gốc của 02 vì kèo sắt thì H bảo là đồ của nhà không dùng đến nên đem bán. Nguyễn Văn

H và anh N thống nhất mua bán với nhau giá 11.500 đồng/kg sắt. Do 02 chiếc vì kèo giống nhau, nên chỉ cân 1 chiếc vì kèo được 85kg, rồi tính tổng trọng lượng 02 vì kèo sắt là 170 kg, giá sắt là 11.500 đồng/kg, sau đó anh N thanh toán cho Nguyễn Văn H số tiền 1.955.000 đồng. Nguyễn Văn H cầm tiền và bảo còn 02 vì kèo sắt nữa cũng giống với 02 vì kèo vừa bán, tí chở đến luôn. Sau đó, H1 điều khiển xe chở H quay về công trình nhà đang xây dựng của anh V, cả H tiếp tục lấy trộm 02 vì kèo còn lại, bê ra để lên xe kéo rồi H1 điều khiển xe chở H đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh N và bán được số tiền 1.955.000 đồng. Tổng số tiền bán được là 3.910.000 đồng. Sau khi bán 04 vì kèo sắt cho anh N, Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 đi về nhà và chia nhau mỗi người số tiền 1.955.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 01/3/2022 anh Trịnh Hùng V có đơn trình báo với Công an xã N Nhất.

Ngày 03/3/2022 Nguyễn Văn H, Đinh Văn H1 đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra Quyết định truy tìm vật và đã thu giữ ngay trong ngày 03/3/2022 tại cửa hàng thu mua phế liệu của anh Trần Xuân N ở thôn Đông Thành, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh N 04 (bốn) vì kèo sắt mà H, H1 đã trộm cắp cụ thể: 01 vì kèo sắt V5, màu sơn đỏ, kích thước (KT) (8,27x0,41)m, trọng lượng 84,5 kg; 01 vì kèo sắt V5, màu sơn đỏ, KT (8,25x0,415)m, trọng lượng 84,5 kg; 01 vì kèo sắt V5, màu sơn đỏ, KT (8,25x0,415)m, trọng lượng 85 kg; 01 vì kèo sắt V5, màu sơn đỏ, KT (8,20x0,42)m, trọng lượng 86 kg. Đồng thời thu giữ của Nguyễn Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 35B2 - 236.32 số khung 056939, số máy 056964; Thu giữ của Đinh Văn H1 01 chiếc kim cộng lực bằng kim loại, dài 92 cm; thu giữ của bà Phạm Thị V 01 chiếc xe kéo dài 2,5m, rộng 0,95m, cao 0,55m có 02 bánh to và 01 bánh nhỏ phía trước.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra Yêu cầu định giá đối với các tài sản nói trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL - HDDGTS ngày 08/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận:

- Chiếc vì kèo KT (8,27x0,41)m, trọng lượng 84,5 kg trị giá 3.380.000 đồng;
- Chiếc vì kèo có KT (8,25x0,415)m, trọng lượng 84,5 kg trị giá 3.380.000 đồng;
- Chiếc vì kèo KT (8,25x0,415)m, trọng lượng 85 kg trị giá 3.400.000 đồng;
- Chiếc vì kèo KT (8,20x0,42)m, trọng lượng 86 kg trị giá 3.440.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là **13.600.000 đồng**.

Quá trình điều tra xác định 04 vì kèo trên là tài sản hợp pháp của anh Trịnh Hùng V bị Nguyễn Văn H, Đinh Văn H1 trộm cắp. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho anh V. Anh V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì nữa.

Đối với thanh sắt phi 10 bị H1 và H cắt đứt bỏ lại công trình xây dựng, quá trình điều tra anh V KH nhận đã cũ, anh đã vứt đi nên anh không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền 3.910.000 đồng là tiền anh Trần Xuân N mua 04 vỉ kèo sắt mà Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 đem bán, quá trình điều tra chị Nguyễn Thị N (là chị gái của H, bạn gái của H1) đã trả cho anh N số tiền trên thay cho H và H1. Anh N đã nhận đủ số tiền. Đến nay, chị N cũng không có yêu cầu Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 phải trả số tiền trên cho chị.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 35B2 - 236.32 số khung 056939, số máy 056964 thu giữ của Nguyễn Văn H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã tiến hành xác minh làm rõ chiếc xe mô tô trên đăng ký mang tên Đỗ Ngọc Tuấn sinh năm 1997, trú tại phố Hưng Phúc, phường N Khánh, thành phố N. Anh Tuấn đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1988, trú tại thôn Bình Khê, xã N Nhất, thành phố N (là anh trai của Nguyễn Văn H). Chiếc xe mô tô này anh Q cho H mượn làm phương tiện đi lại từ khoảng giữa tháng 02/2022). Việc Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện đi trộm cắp tài sản anh Q không biết. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Văn Q.

Đối với 01 chiếc xe kéo dài 2,5m, rộng 0,95m, cao 0,55m, có 02 bánh to và 01 bánh nhỏ phía trước; 01 chiếc kìm cộng lực bằng kim loại, kích thước dài 92 cm là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị V (mẹ đẻ của Nguyễn Văn H). Việc H1 và H sử dụng làm công cụ đi trộm cắp tài sản, bà V không biết. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho bà Phạm Thị V số tài sản trên.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 24/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 18 đến 21 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Văn H1 từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bắt tạm giữ 03/3/2022. Không phạt tiền bổ sung các bị cáo. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong tại giai đoạn điều tra và không có ai đề nghị xem xét giải quyết. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo cũng đã KH nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại giai đoạn điều tra các bị cáo đã xin đầu thú và đã được lấy lời KH, hỏi cung. Bị cáo Nguyễn Văn H không biết chữ nhưng trong quá trình lấy lời KH, hỏi cung đều có người chứng kiến. Các bị cáo đã được đọc, nghe đọc và công nhận đúng lời KH của mình ghi trong biên bản. Bản thân các bị cáo xác định không bị ép cung, ngược đãi hành hạ, đánh đập và không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố N, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. *Về tội danh và hình phạt:* Vào khoảng 00 giờ ngày 28/2/2022 tại công trình xây dựng nhà của anh Trịnh Hùng V ở đường ĐT 477, thôn Nguyên Ngoại, xã N Nhất, thành phố N, tỉnh N. Lợi dụng đêm tối, công trình nhà đang xây dựng dở, chưa lắp đặt hệ thống cửa ra vào và không có người trông coi, Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 đã lén lút cùng nhau vào chiếm đoạt 04 vì kèo sắt làm bằng sắt V5 được sơn chống rỉ màu đỏ dùng để làm mái tôn của anh Trịnh Hùng V rồi mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bốn vì kèo sắt lần lượt có kích thước là (8,27m x 0,41m); (8,25m x 0,415m); (8,25m x 0,415m); (8,2m x 0,42m), tổng trọng lượng là 340kg sắt đã được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định giá trị là 13.600.000đồng.

Lời KH nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời KH của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đơn xin đầu thú, biên bản về việc đầu thú, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật Hình sự bảo vệ. Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Lần phạm tội này các bị cáo thực hiện với tính chất đồng phạm giản đơn.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo để có hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H vừa là người khởi xướng, người thực hành tích cực, đồng thời là người trực tiếp giao dịch để tiêu thụ tài sản trộm cắp nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo là người có tiền án tại Bản án số 131/2019/HSST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích nay lại phạm tội nên hành vi phạm tội lần này thuộc tình tiết tăng nặng *tái phạm* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tiền sự: Ngày 6/7/2021 bị Công an thành phố Tam Điệp, tỉnh N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 300.000 đồng về hành vi “*đánh bạc*”. Về nhân thân: Bản án số 70/2012/HSST ngày 15/05/2012, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 6/9/2013 Ủy ban nhân dân tỉnh N ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 10/12/2015 Công an phường N Thành, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “*sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Đối với bị cáo Đinh Văn H1 là người sau khi được bị cáo H rủ rê đi trộm cắp tài sản, bị cáo là người thực hành tích cực, sau đó cùng với bị cáo H mang tài sản đi tiêu thụ, cùng với bị cáo H chia nhau hưởng lợi tài sản nên bị cáo giữ vai trò thứ H. Bị cáo không có tiền án. Về tiền sự: ngày 17/9/2020 Ủy ban nhân dân xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh N ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường thời hạn 6 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Về nhân thân: ngày 10/01/2014 công an phường N Sơn, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “*sử dụng trái phép chất ma túy*”; Bản án số 22/2015/HSST ngày 20/05/2015 Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh N xử phạt 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; Bản án số 27/2015/HSST ngày 23/6/2015 Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà N xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 30/11/2016 công an phường Thanh Bình, thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “*sử dụng trái phép chất ma túy*”; Bản án số 05/2017/HSST ngày 20/01/2017 Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh N Đình xử phạt 39 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Các bị cáo Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 đều có tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn KH báo, các bị cáo đã tác động với người thân để **bồi thường cho người có**

quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay cho mình, tài sản trộm cắp đã được sớm thu hồi để trả lại cho người bị hại nên hậu quả đã được khắc phục đồng thời người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những cơ sở phân tích nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm minh cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội thì mới có tác dụng cải tạo giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử cũng cân nhắc để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Về mức hình phạt cần xử bị cáo Nguyễn Văn H cao hơn bị cáo Đinh Văn H1 là phù hợp.

3]. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Anh Trần Xuân N không biết tài sản do bị cáo H và bị cáo H1 trộm cắp nên đã mua 04 vì kèo của các bị cáo. Khi cơ quan điều tra phát hiện, anh N đã giao nộp cho cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại. Anh Trịnh Hùng V là người bị hại đã nhận lại tài sản là 04 vì kèo bị mất. Đến nay anh V không có yêu cầu Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 bồi thường gì nữa.

Anh Trần Xuân N đã được bồi thường số tiền 3.910.000 đồng do đã mua 04 vì kèo mà Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 đem bán. Đến nay anh N cũng không có yêu cầu đề nghị gì nữa.

Số tiền 3.910.000 đồng chị Nguyễn Thị N bồi thường thay cho các bị cáo H và H1, đến nay chị N cũng không yêu cầu các bị cáo phải trả lại.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 35B2 - 236.32 số khung 056939, số máy 056964 thu giữ của Nguyễn Văn H là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Q do bị cáo H mượn xe của anh Q. Việc Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện đi trộm cắp tài sản anh Q không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả cho anh Nguyễn Văn Q là có căn cứ, đúng quy định. Đến nay anh Q không có đề nghị gì.

Đối với 01 chiếc xe kéo và 01 chiếc kìm cộng lực bằng kim loại là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị V (mẹ đẻ của Nguyễn Văn H). Việc bị cáo H1 và bị cáo H sử dụng làm công cụ đi trộm cắp tài sản bà V không biết. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho bà Phạm Thị V số tài sản trên là có căn cứ, đúng quy định. Bà V đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì.

Do vậy vấn đề vật chứng và trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Các vấn đề khác:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1 phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt Nguyễn Văn H 18 (*mười tám*) tháng tù.

Xử phạt Đinh Văn H1 15 (*mười lăm*) tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bắt tạm giữ 03/3/2022.

2. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Đinh Văn H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (*H trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công KH sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà V) có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N
- VKSND thành phố N
- Công an thành phố N
- Chi cục THA. DS thành phố N
- Thi hành án HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

- Bị cáo
- Người bị hại, NCQLNVLQ đến vụ án.
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

Nguyễn Thị Bích T

